

Số: 90/TB-NVN

Đông Hưng Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai khoản thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn liên tịch số 1332/HDLĐ/BHXH-GDDT ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Liên tịch Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về các khoản thu năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 853/UBND-VHXH ngày 30 tháng 9 năm 2025 của UBND Phường Đông Hưng Thuận về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Phường;

Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp công khai khoản thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác tại đơn vị năm học 2025-2026 tại đơn vị như sau:

I. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí.

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/tháng)	Tạm thời không triển khai thu học phí	Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

2.1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND

Nội dung	Mức thu theo NQ18/2025	Mức thu NH 2025-2026	Ghi chú
Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) (đồng/học sinh/năm)	50.000	25.000	khoản 5, PL1 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC
Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê) (đồng/học sinh/tháng)	95.000	50.000	khoản 6.2, PL1 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC
Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Gồm số liên lạc điện tử, điểm danh camera quyết khuôn mặt, phần mềm học trực tuyến) (đồng/học sinh/tháng)	110.000	50.000	khoản 7, PL1 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC

2.2. Các khoản thu dịch vụ khác.

Nội dung	Mức thu theo NQ18/2025	Mức thu NH 2025-2026	Ghi chú
I. Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường			
Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030" (đồng/học sinh/tháng)	/	150.000	khoản 1.2, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (áp dụng cho lớp 6A1,6A2; 7A1,7A2;8A1 học 2 tiết/tuần) (đồng/học sinh/tháng)	/	180.000	khoản 2.2, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài học 1 tiết/tuần (đồng/học sinh/tháng)	/	90.000	khoản 2.2, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC
Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ (đồng/học sinh/tháng)	/	79.000	khoản 2.1, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDDĐT-KHTC

Nội dung	Mức thu theo NQ18/2025	Mức thu NH 2025-2026	Ghi chú
Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/học sinh/tháng)	/	69.000	khoản 6, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDĐT-KHTC
Tiền tổ chức Giáo dục STEM (đồng/học sinh/tháng)	/	90.000	khoản 7.1, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDĐT-KHTC
Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi (đồng/học sinh/tháng)	/	120.000	khoản 4.2, mục I, PL2 Công văn 1888/SGDĐT-KHTC
II. Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh			
Học phẩm (đồng/học sinh/năm học)	/	50.000	khoản 13.1, mục II, PL2 Công văn 1888/SGDĐT-KHTC
Tiền nước uống (đồng/học sinh/tháng)	/	10.000	khoản 14.3, mục II, PL2 Công văn 1888/SGDĐT-KHTC

3. Các khoản thu hộ khác:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	631.800	khoản 2, mục I Hướng dẫn liên tịch số 1332/HDLS/BHXH-GDĐT

III. Sử dụng:

1. Học phí:

- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng thu học phí (theo Công văn số 7190/CTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

+ Chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ, thanh toán cá nhân, trợ cấp, phụ cấp, chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, chi các hoạt động thuê tư vấn, thẩm định đấu thầu, chi phí tham gia các lớp nâng cao, bồi dưỡng theo kế hoạch của ngành,....) và chi trả lương, các khoản đóng góp theo lương của giáo viên, nhân viên hợp đồng, trả tiền giáo viên hướng dẫn tập sự cho giáo viên mới tuyển dụng về trường.

+ Chi trả tiền thuê giáo viên thỉnh giảng trong trường hợp ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà đơn vị không thể bố trí giáo viên khác dạy thay, mức tiền thuê giáo viên thỉnh giảng được khoán chi là từ 80.000 đồng/tiết đến 100.000 đồng/ tiết tùy theo điều kiện kinh phí nhà trường cân đối chi trả.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

2.1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND.

2.1.1. Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường).

Chi thuê dịch vụ khám sức khỏe cho học sinh (kể cả khám nha học đường) theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế và Bộ GDĐT.

2.1.2. Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê)

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 10% để tổ chức hoạt động tại trường, cụ thể:

+ Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng số để lại trường (theo Công văn số 7190/CTTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

Chi 7%/ tổng số để lại trường hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1,5, Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ 1,0/ người; Văn thư hệ số 1,0/ người, Tổng phụ trách, Y tế, Thư viện, Bảo vệ, Phục vụ, Chuyên trách thiết bị (nếu có); giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

2.1.3. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Chi trả 100% cho đơn vị cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

2.2. Các khoản thu dịch vụ khác.

2.2.1. Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường

a. Tiềm tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030"

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 10% để tổ chức hoạt động tại trường, cụ thể:

+ Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng số để lại trường (theo Công văn số 7190/CTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

+ Chi 5% / tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1.5, Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ 1.0/ người; Văn thư hệ số 1,0/ người, Tổng phụ trách, Y tế, Thư viện, Bảo vệ, Phục vụ, Chuyên trách thiết bị (nếu có); giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

b. Tiềm tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 20% để tổ chức hoạt động tại trường, cụ thể:

+ Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng thu (theo Công văn số 7190/CTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

+ Chi 15% /tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1.5, Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ 1.0/ người; Văn thư hệ số 1,0/ người, Tổng phụ trách, Y tế, Thư viện, Bảo vệ, Phục vụ, Chuyên trách thiết bị (nếu có); giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.



c. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ.

1/ Mức thu: 79.000đ/tháng/ học sinh

* Nội dung chi:

- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng thu (theo Công văn số 7190/CTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

+ Chi trả thù lao giáo viên trực tiếp giảng dạy (kể cả giáo viên thỉnh giảng, giáo viên dạy hợp đồng) theo số giờ dạy thực tế với định mức là 100.000 đồng/tiết trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động, mua sắm, sửa chữa.

+ Chi 15% /tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1.5, Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ 1.0/ người; Văn thư hệ số 1,0/ người, Tổng phụ trách, Y tế, Thư viện, Bảo vệ, Phục vụ, Chuyên trách thiết bị (nếu có); giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

d. Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống

- Chi 70% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 30% để tổ chức hoạt động tại trường, cụ thể:

+ Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng thu (theo Công văn số 7190/CTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

+ Chi 15% / tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1.5, Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ 1.0/ người; Văn thư hệ số 1,0/ người, Tổng phụ trách, Y tế, Thư viện, Bảo vệ, Phục vụ, Chuyên trách thiết bị (nếu có); giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp và trích khấu hao (nếu có) theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

e. Tiền tổ chức Giáo dục STEM

- Chi 90% trả đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 10% để tổ chức hoạt động tại trường, cụ thể:

+ Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2%/ tổng số để lại trường (theo Công văn số 7190/CTTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Tổng cục thuế TPHCM)

+ Chi 6%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1.5, Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ 1.0/ người; Văn thư hệ số 1,0/ người, Tổng phụ trách, Y tế, Thư viện, Bảo vệ, Phục vụ, Chuyên trách thiết bị (nếu có); giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

f. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi.

Mức thu: 120.000 đồng/học sinh/tháng (không bao gồm phí làm giấy chứng nhận bơi)

* Nội dung chi:

- Chi trả cho bên cung cấp dịch vụ 80%/tổng thu.

- Chi 20%/ để lại đơn vị cho các nội dung sau:

+ Chi 15% /tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2,0/ người; Phó Hiệu trưởng 1,5/ người; Kế toán hệ số 1,5/ người, Thủ quỹ, Văn thư 1,0/ người; giáo viên thể dục tham gia quản lý học sinh (nếu có), hệ số 1,5/ người) Tổng phụ trách, giáo viên làm công tác hỗ trợ quản lý học sinh hệ số 0,2/người.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ, thuê tư vấn, thẩm định đấu thầu,); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; trích khấu hao tài sản cố định (nếu có), nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước khác theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 111/2025/NĐ-CP.

2.2.2. Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh.

a. Học phẩm:

Chi mua phù hiệu học sinh, hồ sơ học sinh (bìa bao học bạ, học bạ,...), mua giấy kiểm tra cắt phách, giấy in đề kiểm tra giữa kỳ 1, học kỳ 1, giữa học kỳ 2, cuối học kỳ 2, mực in, giấy A3, giấy A4,.. theo hợp đồng cung cấp.

b. Tiền nước uống:

Chi mua nước uống theo hợp đồng cung cấp.

3. Các khoản thu hộ khác cho học sinh

Bảo hiểm y tế học sinh.

Nộp toàn bộ về cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Thới An để đăng ký tham gia BHYT cho học sinh.

III. CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP:

Từ năm học 2025-2026 thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

4.1 Trên cơ sở mức thu, giao bộ phận Kế toán tổng hợp xây dựng mức thu kế hoạch thu theo quy định, trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo cụ thể đến từng phụ huynh học sinh.

4.2 Giao bộ phận quản lý website đăng thông báo công khai trên trang web của trường; giao Giáo viên chủ nhiệm thông báo nội dung công khai các khoản thu đến từng phụ huynh học sinh theo quy định. Bộ phận văn phòng có trách nhiệm phát hành thông báo và dán bảng thông tin để phụ huynh được thông tin đầy đủ nội dung thu theo quy định của nhà trường.

Trên đây là thông báo công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp năm học 2025-2026, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thông báo bảng, website;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Lệ Hằng